

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH CỬU
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2023/HNGĐ-ST
Ngày 10 - 3 - 2023.
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU - TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Trung Chiên.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Hoa

Bà Nguyễn Ngọc Cúc

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Quyết Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Thái Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 554/2022/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2022, về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 30 tháng 01 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 18/2023/QĐST-HNGĐ ngày 20/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị H, sinh năm 1970

Trú tại: tổ 5, ấp 2, xã P, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1962

Trú tại: tổ 5, ấp 2, xã P, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

(bà H, ông H1 vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong đơn khởi kiện, quá trình chuẩn bị xét xử nguyên đơn bà Trần Thị H trình bày:**

Bà và ông Nguyễn Văn H1 tự nguyện chung sống với nhau không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không còn tôn trọng lẫn nhau dẫn đến mâu thuẫn trầm trọng. Năm 2014 bà và ông H1 đã lập văn bản phân chia

tài sản chung là quyền sử dụng đất, sau đó ông H1 đã bỏ nhà ra đi từ đó đến nay không có tin tức gì, hiện tại bà cũng không biết ông H1 ở đâu mặc dù bà đã tìm kiếm cả quê nội, ngoại nhưng không ai có tin tức gì của ông H1. Vì vậy bà đã làm đơn tuyên bố một người mất tích đối với ông H1. Nay bà thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà xin được ly hôn với ông H1.

Về con chung: Có 04 con chung tên là Nguyễn Thị H2, sinh năm 1993, Nguyễn Thị Kim A, sinh năm 1994, Nguyễn Thị Hoài N, sinh năm 1998 và Nguyễn Thái H3, sinh năm 2004, hiện nay các con đã trưởng thành không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn ông Nguyễn Văn H1 không có lời khai tại tòa:**

*** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu phát biểu ý kiến:**

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng.

Về đường lối giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Tòa án chấp nhận cho bà Trần Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Văn H1.

Về con chung: Đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa giải quyết và nợ chung đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Buộc bà H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự:

1.1. Căn cứ Điều 28; 35; 39 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định căn cứ vào nơi cư trú của bị đơn, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu.

1.2. Ông Nguyễn Văn H1 được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Bà Trần Thị H có đơn xin vắng mặt khi xét xử. Căn cứ khoản 1, điểm b, khoản 2, Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt bà H và ông H1.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1. Về quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị H và ông Nguyễn Văn H1 chung sống với nhau từ năm 1993 đến năm 2014 nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn, đã có 4 người con chung, do vậy áp dụng Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội không công nhận bà Trần Thị H và ông Nguyễn Văn H1 là vợ chồng.

2.2. Yêu cầu của bà H xin được ly hôn với ông H1. Vì bà H cho rằng cuộc sống của vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, dẫn đến gia đình mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Sau đó ông H1 đã bỏ nhà đi biệt tích, mặc dù bà đã tìm kiếm nhiều nơi nhưng không có kết quả, bà đã làm đơn yêu cầu tuyên bố một người mất tích tại Tòa án nhưng cũng không có tin tức gì về ông H1. Xét thấy mâu thuẫn giữa ông bà là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn đoàn tụ được, nên chấp nhận yêu cầu của bà H là phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy không công nhận bà Trần Thị H và ông Nguyễn Văn H1 là vợ chồng.

Đối với ông Nguyễn Văn H1 Tòa án đã triệu tập hợp lệ hai lần nhưng ông H1 đều vắng mặt không có lý do, được coi như ông H1 tự tước bỏ quyền trình bày tại tòa.

2.3. Về con chung: Đã trưởng thành, không yêu cầu xem xét, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2.4. Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2.5. Nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3]. Về án phí sơ thẩm: Buộc bà H phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

[4]. Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28; 35; 39; 147; khoản 1, điểm b, khoản 2, Điều 227; 269; 271; 273; 278; 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 89; 91 Luật hôn nhân gia đình năm 2000; Nghị quyết số: 35/2000/NQ - QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Trần Thị H và ông Nguyễn Văn H là vợ chồng.

2. Về con chung: Đã trưởng thành.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không

xét.

4. Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu số 0004714 ngày 23/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu. Bà H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

6. Bà Trần Thị H và ông Nguyễn Văn H có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Vĩnh Cửu;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS H Vĩnh Cửu;
- Lưu: Hồ sơ, Lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Trung Chiến